

TÀI LIỆU SẮC PHONG CỦA CÁC LÀNG XÃ VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC TỈNH THANH HOÁ

PHẠM VĂN TUẤN

Trong nghiên cứu làng Việt cổ truyền Việt Nam nói chung và làng Việt ở vùng ven biển nói riêng, các nhà nghiên cứu đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau và có những thành tựu nhất định để làm sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển của làng xã. Trong phạm vi bài viết này, qua nguồn tài liệu sắc phong mới được sưu tầm ở 6 xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc, chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về quá trình hình thành phát triển của làng xã ở đây, đồng thời trên cơ sở đó kết hợp với các nguồn tài liệu khác, cung cấp một diện mạo đầy đủ hơn về bộ mặt của làng Việt truyền thống ở vùng ven biển huyện Hậu Lộc cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

1. VÀI NÉT VỀ LÀNG XÃ VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC HIỆN NAY

Vùng ven biển huyện Hậu Lộc hiện nay bao gồm địa bàn 6 xã là: Đa Lộc, Ng- Lộc, H- ng Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc, Hoà Lộc trong tổng số 26 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Đây là vùng đất mà c- dân được hình thành từ hai nguồn: ng- ời Việt bản địa và ng- ời Việt từ nơi khác di c- đến. Ng- ời Việt bản địa có thể là hậu duệ của c- dân gốc Bái Cù (Hoà Lộc)- một di chỉ khảo cổ học của Văn hoá Hoa Lộc⁽¹⁾. Còn bộ phận ng- ời Việt di c- , được xem lớp c- dân đóng vai trò chính trong việc hình thành làng xã ở vùng này vốn có nguồn gốc từ

đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ nói chung ta lần lượt đến tụ c- qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau. Ngoài hai lớp c- dân trên, ở đây còn có thể có sự góp mặt của một bộ phận ng- ời Hán đã đến ở vùng đất này để lại những ngôi mộ thời Tiền Hán mà O. Jansé đã tìm thấy ở xã Hoà Lộc, được các nhà khảo cổ học gọi là Văn hoá Lạc Tr- òng⁽²⁾. Như vậy, trong nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau, nhiều luồng dân c- đã đến hoà mình vào lớp c- dân bản địa, rồi trở thành c- dân bản địa. Cứ như thế, hết lớp này đến lớp khác, vùng của sông sâu uất này được hình thành từ dân c- nhiều miền hội tụ. Do đặc điểm như vậy nên tổ chức gia đình, dòng họ làng xã, phong tục tập quán của ng- ời Việt ở đây vừa có những đặc điểm chung của ng- ời Việt cả nước vừa có những nét riêng phù hợp với điều kiện địa lý và lịch sử hình thành. Về loại hình làng xã, bên cạnh những làng Việt cổ hình thành lâu đời, tồn tại cho đến ngày nay, còn có những làng được hình thành trong những lần khai hoang lấn biển sau này. Về đặc điểm kinh tế - xã hội, các làng này cũng rất đa dạng như làng ng- nghiệp, làng diêm nghiệp (làm muối), làng bán nông bán ng- , làng nông nghiệp, làng công giáo... Về ph- ơng diện hành chính, đến thời Nguyễn, cơ cấu tổ chức làng xã ở đây đã hình thành khá rõ nét và tồn tại cho đến nay. Hiện nay, làng xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc là một vùng dân c- đông đúc sâu uất trên nhiều ph- ơng diện (Bảng 1).

Bảng 1: Địa lý hành chính và dân số của 6 xã ven biển huyện Hậu Lộc

TT	Tên xã	Tổng số làng (thôn)	Tên các làng (thôn)	Diện tích tự nhiên (ha)	Dân số
1	Đa Lộc	10	Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Hoà, Đông Thành, Yên Đông, Ninh Phú, Đông Hải, Đông Tây, Yên Lộc, Hùng Thành	1.310,16	7.774 khẩu 1.744 hộ

2	H- ng Lộc	11	Phú L- ợng, Phú Nhi, Phú V- ợng, Tân H- ng, H- ng Bắc, Yên Hoà, Yên Thành, Yên Mỹ, Thái Hoà, Đông Hoà, Tây Hoà	532,54	11.5501 khẩu 2.240 hộ
3	Ng- Lộc	7	Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam V- ợng, Thắng Lộc, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng	-	16.634 khẩu 2.800 hộ
4	Minh Lộc	9	Minh Hùng, Minh Thịnh, Minh Thắng, Minh Thọ, Minh Hải, Minh Đức, Minh Thành, Minh Phú, Minh Thanh	475,36	12.074 khẩu 2.400 hộ
5	Hải Lộc	8	Tr- ờng Nam, Y Bích, Lộc Tiên, Tân Lộc, Lạch Tr- ờng, Đa Phạn, H- ng Thái, Thắng Hùng	347,84	8.424 khẩu 1.635 hộ
6	Hoà Lộc	6	Bái Trung, Xuân Tiến, Tam Hoà, Phú Ng- (Hoà Ng-), Nam Huân, Tam Thắng	731,52	11.355 khẩu 2.615 hộ

2. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN TÀI LIỆU SẮC PHONG

Theo Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh thì *sắc phong* đ- ọc hiểu là hình thức vua lấy chiếu sắc mà phong t- ớc. Nh- vậy, sắc phong chỉ có thể là vua phong. Đối với các vị thần đ- ọc phong sắc và nhân vật lịch sử đ- ọc phong thần, *sắc phong là hình thức nhà vua biểu đ- ơng công tích, truy tặng phẩm hàm* (bao gồm cả thiên thân và nhân thân). Tr- ớc Cách mạng tháng Tám năm 1945, vùng ven biển huyện Hậu Lộc (thuộc 6 xã hiện nay) đã có 19 trong tổng số 35 đơn vị *xã, thôn, trang, sở* thuộc 2 tổng Liên Cừ và Xuân Tr- ờng của huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa⁽³⁾. Những làng xã đó là những đơn vị hành chính có quá trình hình thành và phát triển không đều nhau. Có làng có lịch sử 700 - 800 năm, trong khi có làng chỉ mới xuất hiện cách đây trên đ- ới 100 năm; thậm chí có làng mới đ- ọc thành lập khoảng vài chục năm nay. Th- ờng khi làng xuất hiện thì ít nhiều đều có vị thần linh để thờ phụng với - ớc muốn thần có thể che chở ban phúc cho cả dân làng đ- ọc coi là vị thần bản mệnh. Theo thông lệ, tùy theo công trạng của thần (phù hộ, giúp dân) do các làng xã khai báo lên triều đình, bộ Lễ xem xét và cấp sắc phong theo thứ bậc. Có những vị thần đ- ọc các triều vua phong đến hàng trăm sắc.

Thông th- ờng, tr- ớc đây, các đạo sắc đ- ọc bảo quản trong các hòm sắc bằng gỗ rất cẩn thận và để trong các hậu cung của các ngôi đền, ngôi đình. Hàng năm vào các dịp tế lễ: kỳ phúc, vào đám (tế thần thành hoàng làng), hoặc tế xuân - thu, lý tr- ờng sai vị chủ tế mang sắc phong ra đọc trong buổi tế thần để cho dân làng cùng nghe đồng thời qua đó nhắc nhở mọi ng- ời nhớ tới công đức của thần linh đối với dân làng.

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã khảo sát hầu hết các làng thuộc 6 xã vùng biển của huyện Hậu Lộc; s- u tầm sắc phong ở các loại hình làng nh- : làng ng- nghiệp (Diêm Phố, Ng- Lộc), làng muối (Y Bích, Hải Lộc) làng thuần nông nghiệp (H- ng Lộc), làng bán nông bán ng- (Hoà Lộc). Đến nay, chúng tôi đã s- u tầm đ- ọc 45 đạo sắc, trong đó có 17 đạo sắc có niên đại thời Lê Trung H- ng từ niên hiệu Đức Long thứ 4 và thứ 5 (1633, 1634), đến Chiêu Thống thứ nhất (1787); 3 đạo sắc niên đại Quang Trung: Cảnh Thịnh thứ 4 (1796), Cảnh Thịnh thứ 8 (1800); 25 đạo sắc còn lại thời Nguyễn, niên đại sớm nhất là Minh Mạng thứ 5 (1824) và muộn nhất là Khải Định thứ 9 (1924). Riêng ở làng Y Bích xã Hải Lộc, tài liệu địa chí xã có nói đến một đạo sắc thời Trần niên hiệu Trùng H- ng (1285) phong cho vị thần ở Nghè Vích là Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh n- ợng, nh- ng trên thực tế

đạo sắc này không thấy trong số đạo sắc hiện có, do đó không có gì để kiểm chứng. Một đạo sắc khác thuộc nghề Vích mất phần đầu và phần cuối nên cũng không xác định đ- ọc niên đại và niên hiệu vua. Về hình thức văn bản, các đạo sắc trên đ- ọc viết trên loại giấy bồi nhiều lớp, khổ lớn (có hình vuông kích th- ớc mỗi cạnh 60 - 80cm). Bề mặt sắc màu vàng, trang trí hoa văn chìm hình t- ợng rồng trong vân mây. Trên mặt sắc chữ to, đẹp, chân ph- ơng có dấu son của nhà vua và ghi rõ thời gian niên hiệu vua phong sắc.

Nội dung của sắc phong, chủ yếu ghi danh hiệu, mỹ tự của từng vị thần đ- ọc thờ cúng ở các làng, còn sự tích của thần chỉ ghi những nét

chung là có công với dân với n- ớc. Về mặt ngôn ngữ, các sắc phong thời Lê ghi chép tỉ mỉ, cụ thể (một vị thần có đến gần 100 mỹ tự khác nhau), trong khi đó sắc phong thời Nguyễn thì ngôn ngữ văn tự đơn giản hơn, chỉ ghi duệ hiệu của thần và một vài mỹ tự. Nếu đ- ọc gia phong từ bậc trung đẳng thần đến th- ợng đẳng thần thì nội dung cơ bản của văn bản sắc phong cũng không thay đổi nhiều. Cách ghi chép thông th- ờng là nêu thần hiệu, nêu tên tuổi, quê quán hoặc gốc tích. Tiếp đó là sự việc nổi bật của thần là giúp vua diệt giặc, sau nữa là "thần hoá, linh thiêng ứng nghiệm" sắc cho dân làng xã sở tại lo việc thờ cúng (Bảng 2).

Bảng 2: Phân bố các đạo sắc ở các làng xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc

TT	Tên xã sau năm 1945	Tên làng, xã tr- ớc năm 1945 (đ- ọc phong sắc)	Vị thần đ- ọc thờ (hoặc mỹ hiệu)	Niên đại phong sắc (triều vua)	Nơi l- ọc giữ
1	Đa Lộc	Giáp Phú Thọ, xã Hanh Cù, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Linh Phù Dực Bảo Trung H- ơng Tổng Uy (Oai) Minh Phúc Thần, Tôn Thần	Ngày 25 tháng 2 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
2	Ng- ọc Lộc	1. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc	Hoàng Cáp Dực Bảo Trung H- ơng Thuỷ Phủ, Phù Tang Cam Lâm Đại Đế Nẹ Sơn Đại V- ơng Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		2. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc	Thuỷ Phủ Phù Tang Cam Lâm Đại Đế Thuỷ Tú Chúa, Hà Bá Linh Quan Đốc Sát, Cửu Giang Bát Hải Long V- ơng Tối Linh Đại V- ơng, Nẹ Sơn, Tôn Thần	Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2 (1917)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		3. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Bác Bạt hiển hoá Trung H- ơng Trang Huy Dực Bảo Trung H- ơng. Tứ Vị Thánh N- ơng Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú

		4. Xã Diêm Phố, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Tứ Vị Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 14 tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 6 (1846)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		5. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc	Trùng Kham Dục Bảo Trung H- ng Nam Hải Cụ Tộc Ngọc Lân Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Phủ thờ cá Ng- Ông thôn Ninh Phú
		6. Xã Thanh Bích, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An	Dũng Mẫn Nghiêm Dục Hằng Nghị Trùng Kham Sát Hải Đại T- ớng quân Chi Thần	Ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
3	H_{oàng} Lộc	1. Xã Phú L- ợng, huyện Thuận Lộc	Dĩ Thị Hâu, Nghiêm Tả Đội Ưu Binh...	Ngày 26 tháng 12 năm Cảnh H- ng thứ 44 (1783)	Nhà thờ họ Đoàn làng Phú L- ợng
		2. An L- ợng	Đ- ợng Cảnh thành Hoàng An L- ợng Đại V- ợng (Lê Văn Minh)	Ngày 26 tháng 7 năm Cảnh H- ng thứ 44 (1883)	Đền thờ Lê Văn Minh làng Kiến Long
		3. Thôn H- ợng Trung, xã Định Căn, huyện Hậu Lộc	Địch Căn Thành Hoàng Chi Thần	Ngày 13 tháng 12 năm Tự Đức thứ 3 (1850)	
4	Minh Lộc	1. Xã Trang Thung, Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đ- ợng Cảnh Thành Hoàng Sung Chung Dục Vận Ch- ợng Hiến Linh ợng Đại V- ợng Tôn Thần	Ngày 26 tháng 11 năm Thành Thái thứ 15 (1903)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		2. Xã Trang Thung (Xuân) Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Dục Bảo Trung H- ng Linh Phủ, Bản Cảnh Thành Hoàng Kiến ợng Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		3. Xã Trang Thung, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An	Bảo An chính Trực, Hựu Thiện Đôn Ng- ng, Thành Hoàng Chi Thần	Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		4. Xã Yên Giáo, huyện Thuận Lộc	Quan Thị Hâu, Thị Trung Tả Kỳ Ưu Binh	Ngày 26 tháng 2 năm Cảnh H- ng thứ 44 (1783)	Nhà thờ họ Mai làng Minh Đức
		5. Thôn Phúc Thành, xã Khúc Phấn, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc	Trình Uyển Dục Bảo Trung H- ng, Hiến Hiệu Công Chúa Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Phúc Thành làng Minh Thành

		6. Xã Khúc Phấn, huyện Thuận Lộc	Hộ Quốc Tế Dân Phù Hộ Thông Đức Vĩ Liệt Hồng Vân Đoàn Chính Huy Nhu Duệ Chính Ôn Cung Tráng Du Hoàng Nghị, Phù Vận Tá Lý Long Khánh, Chiêu Hiều Diệu Toán Hoàng Mô Anh Quả Dũng Cẩm Duệ Thông Anh Uy Đại V- ơng	Ngày 21 tháng 5 năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796)	Nghè Phúc Thành làng Minh Thành
		7. Xã Khúc Phấn, huyện Thuận Lộc	Ngự Vị Hộ Quốc Tế Dân Phu Huệ Thông Đức, Vĩ Liệt Hồng Huân Đoàn Chính Huy Nhu Duệ Chiết Ôn Cung Tráng Du Hoàng Nghị Phù Vận Tá Lý Long Khánh Chiêu Hiều Diệu Toán Hoàng Mô Anh Quả Dũng Cẩm Đại V- ơng	Ngày 26 tháng 7 năm Cảnh H- ng thứ 44 (1783)	Nghè Phúc Thành làng Minh Thành
5	Xã Hải Lộc	-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 26 tháng 4 năm Phúc Thái thứ 5 (1648)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 17 tháng 7 năm Phúc Thái thứ 3 (1645)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 28/2 năm Phúc Thái thứ 7 (1649)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 19 tháng 2 năm Khánh Đức thứ 5 (1653)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Nam Hải Thân Chiêu...	Ngày 27 tháng 5 năm Đức Long thứ 5 (1634)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Nam Hải Thân Chiêu...	Ngày 29 tháng 3 năm Đức Long thứ 4 (1633)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 29 tháng 7 năm D- ơng Đức thứ 3 (1673)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải	Ngày 29 tháng 7 năm D- ơng Đức thứ 3 (1673)	UBND xã Hải Lộc

		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải... Tứ Vị Thánh N-ong	Ngày 11 tháng 9 năm Thịnh Đức thứ 5 (1658)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 16 tháng 6 năm Thịnh Đức thứ 3 (1656)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 29 tháng 11 năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1658)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 24 tháng 6 nhuận năm Chính Hoà thứ 4 (1683)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 10 tháng 8 năm Vĩnh Thịnh thứ 6 (1711)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 10 tháng 8 năm Vĩnh Thịnh thứ 6 (1711)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 22 tháng 3 năm Chiêu Thống Nguyên Niên (1787)	UBND xã Hải Lộc
		-	(Sắc mất niên đại, phần đầu và phần cuối) Nội dung: Phong cho Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...		UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 18 tháng 4 năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1797)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 24 tháng 1 năm Cảnh H-ng thứ 32 (1771)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 21 tháng 5 năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796)	UBND xã Hải Lộc
	20. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc		Đại Càn Quốc Gia Nam Hải... Tứ Vị Thánh N-ong	Ngày 13 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 5 (1824)	UBND xã Hải Lộc

		21. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Tứ Vị Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 24 tháng 3 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844)	UBND xã Hải Lộc
		22. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Tôn Thần	Ngày 13 tháng 12 năm Tự Đức thứ 3 (1850)	UBND xã Hải Lộc
		23. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)	UBND xã Hải Lộc
		24. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Dục Bảo Trung H- ng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909)	UBND xã Hải Lộc
		25. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, thuộc tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Dục Bảo Trung H- ng Tứ Vị Thánh N- ợng Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 7 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	UBND xã Hải Lộc
6	Hoà Lộc	Xã Y Bích, Lộc Tiên	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Tứ Vị Th- ợng Đẳng Thần	Ngày 29 tháng 4 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844)	Chùa Cam Lộ

3. GIÁ TRỊ CỦA TÀI LIỆU SẮC PHONG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN VEN BIỂN HẬU LỘC

Nguồn tài liệu sắc phong đ- ợc l- u giữ, bảo quản tại địa ph- ợng đ- ợc coi là tài sản riêng của từng làng, bởi nó liên quan đến đời sống tâm linh của họ. Đây là nguồn tài liệu có giá trị nhiều mặt trong nghiên cứu làng xã truyền thống. Chúng ta có thể đọc trong đó nhiều tri thức về làng Việt cổ truyền, chẳng hạn nh- nguồn gốc của sự phát triển làng xã, sự thay đổi diên cách, quan niệm về tín ng- ỡng dân gian, tục thờ cúng thành hoàng ở một số làng... Trong các giá trị của tài liệu sắc phong có thể thấy rõ một số khía cạnh sau đây:

Về tín ng- ỡng dân gian và tục thờ thành hoàng ở c- ộng dân vùng biển

Tục thờ thần thành hoàng là một hiện t- ợng đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân ta từ x- a. Việc tạo dựng các nhân vật lịch sử hoặc ng- ời có công lao xây dựng làng làm thần thành hoàng của làng là hiện t- ợng phổ biến d- ới triều nhà Lê sang triều nhà Nguyễn và nó trở thành một thông lệ: linh thiêng hoá một nhân vật lịch sử (con ng- ời thật) hoặc một hình t- ợng thiên nhiên (vật thiêng) thành biểu t- ợng tâm linh của làng đ- ợc thờ tự truyền nối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Kết quả khảo sát thực địa và tài liệu sắc phong cho thấy việc thờ thần thành hoàng có liên

quan, gắn bó với lịch sử mỗi làng, mỗi vùng đất. Ngoài những vị thần thành hoàng có công lập làng, lập ấp đ-ợc thờ ở các làng nh-: Đ-ong cảnh thành hoàng An L-ong Đại V-ong Lê Văn Minh ở làng Kiến Long, Nguyễn Huy Thành ở làng Phú L-ong, Địch Cẩn thành hoàng ở thôn H-ong Trung thuộc xã H-ng Lộc, Trinh Uyển Đức Bảo Trung H-ng Hiển Hiệu Công Chúa ở làng Minh Thành, Quan Thị Hâu Thị Trung Tả Kỳ Ưu Bình ở làng Minh Đức thuộc xã Minh Lộc.. còn có 4 vị thần đ-ợc thờ ở nhiều nơi thuộc vùng biển của Hậu Lộc là Đông Hải Đại V-ong, Nam Hải Đại V-ong, Bát Hải Long V-ong và Tứ Vị Hồng N-ong⁽⁴⁾. Đây là một hiện t-ợng rất đáng quan tâm vì là biểu hiện tín ng-ỡng chung của c- dân toàn vùng ven biển của Hậu Lộc. Đặc biệt, trong đó **Bát Hải Long V-ong** (thờ ở đền Nẹ Sơn - xã Ng- Lộc) đ-ợc khái quát thành hình t-ợng thần biển - vị thần làm chủ của một vùng. Các sắc phong cho biết hầu hết các thôn, xã của vùng ven biển Hậu Lộc thờ phụng vị thần này. Đó là các thôn, xã: An L-ong, Điện Đông, Th-ợng Diêm Phố, Đông Thịnh, Nam Khê, Xuân Thiên, Tr-ợng Trung, Hữu Nghĩa, Quân Phủ, Tr-ong Xá Nội, Lục Trúc, Y Bích, Lộc Tiên, An Hậu, Đông Bái, Trung Nam, Hắc Quý Giáp⁽⁵⁾. Mỗi làng xã không chỉ có một vị thần thành hoàng mà có từ hai đến năm, bảy vị thần đ-ợc thờ. Vị chủ thần th-ợng đ-ợc gọi với cái tên là "Đức Thánh Cả" có liên quan đến tục r-ớc và tế lễ của cả vùng. Sắc phong cũng cho ta biết công trạng của các thần trong việc phù giúp dân và đ-ợc cấp sắc phong theo ba loại: Th-ợng Đẳng Phúc Thần - Trung Đẳng Phúc Thần - Hạ Đẳng Phúc Thần. Qua mỗi triều đại, sau mỗi lần làng khai báo, nếu các vị thần gia tăng công trạng giúp dân đều đ-ợc ban cấp sắc phong nâng vị thứ và gia tăng mỹ tự⁽⁶⁾.

Góp phần bổ sung xác định nguồn gốc dân c- trong công cuộc khẩn hoang lập làng

Tại nhà thờ họ Nguyễn Đình ở thôn Minh Thịnh xã Minh Lộc còn 4 đạo sắc phong cho các vị thần ở huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Vị

thần có duệ hiệu "Dũng Mẫn Nghiêm Đức Hằng Nghị Tr-ợng Kham Sát Hải Đại T-ợng Quân" cho phép xã Thanh Bích, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An phụng thờ (1887). Ba vị thần khác có duệ hiệu là "Đ-ong Cảnh Thần Hoàng Sung Chung Đức Vận Ch-ợng Hiển Linh Ứng Đại V-ong", "Đức Bảo Trung H-ng Linh Phù, Bản Cảnh Thành Hoàng Kiến Ấp Tôn Thần", "Bảo An Chính Trực Hiệu Thiện Đông Ng-ng, Thành Hoàng Chi Thần", cho phép xã Trang Thung (Xuân), huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An phụng thờ⁽⁷⁾. Các đạo sắc trên phản ánh quá trình c- dân ở xã Thanh Bích và xã Trang Thung thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đến vùng biển huyện Hậu Lộc sinh cơ lập nghiệp từ các thế kỷ tr-ớc. Họ đã mang theo sắc phong ở quê cũ đến vùng đất mới lập nhà thờ. Nhà thờ họ Nguyễn Đình ở làng Minh Thịnh, xã Minh Lộc là nơi thờ Nguyễn Xí vốn là thủy tổ và là một t-ợng tài của Lê Lợi quê ở Đông Thành, Nghệ An.

Góp phần xác định sự biến đổi địa danh và đơn vị hành chính

Từ thời Trần về tr-ớc, huyện Hậu Lộc có tên là Thống Bình, thời thuộc Minh (thế kỷ XIV) đổi là Thống Ninh thuộc □i Châu, phủ Thanh Hoá, thời Hậu Lê đ-ợc gọi là Thuận Hữu thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa⁽⁸⁾. Đến thời Lê Trung H-ng tránh tên huý của vua Lê Chân Tông mà huyện Thuận Hữu đổi thành Thuận Lộc⁽⁹⁾. Về sau lại đổi chữ Thuận thành chữ Phong gọi là huyện Phong Lộc. Đến năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) mới thay chữ Phong bằng chữ Hậu và gọi là huyện Hậu Lộc. Tên gọi đó tồn tại cho đến nay.

Theo sắc phong thì từ thời Lê Trung H-ng đến thời Nguyễn, địa danh một số làng, xã đ-ợc biến đổi nh- sau:

- Xã Phú L-ong, huyện Thuận Lộc [Theo niên đại sắc phong cho Đoàn Văn Thông ở nhà thờ họ Đoàn, xã H-ng Lộc có niên đại năm Cảnh H-ng thứ 44 (1733)]. Đời Nguyễn Gia Long (1802 -

1820) xã này có đơn vị hành chính là *trang*; đến đời Nguyễn Đồng Khánh (1885-1887) gọi là xã Phú L-ong. Hiện nay là làng Phú L-ong thuộc xã H-ng Lộc.

- *Xã Yên Giáo* huyện Thuận Lộc [Theo sắc phong ở nhà thờ họ Mai, thôn Minh Đức, xã Minh Lộc có niên đại Cảnh H-ng thứ 44 (1783)]. Đời Gia Long (1802- 1820) cho đến đời Đồng Khánh (1885-1887) vẫn tồn tại xã An Giáo thuộc tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc. Nay là đất đai của xã Minh Lộc, một phần của H-ng Lộc và Hải Lộc.

- *Xã Khúc Phấn* huyện Thuận Lộc [Theo sắc phong ở Nghè Phúc Thành, làng Minh Thành, xã Minh Lộc có niên đại Cảnh H-ng thứ 44 (1783)]. Niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) đời vua Quang Trung vẫn giữ nguyên đơn vị hành chính xã Khúc Phấn. Đời Đồng Khánh (1885-1887), xã Khúc Phấn có 2 thôn là thôn Phúc Thành và thôn Đa Phạn. Hiện nay thôn Khúc Phấn thuộc xã Minh Lộc, còn thôn Đa Phạn thuộc xã Hải Lộc.

- *Thôn H-ong Trung*, xã Địch Càn, huyện Hậu Lộc [Theo sắc phong ở đền thờ Lê Văn Minh, thôn Kiến Long, xã H-ng Lộc, có niên đại Tự Đức thứ 3 (1850)]. Đời Đồng Khánh (1885-1887), thôn H-ong Trung thuộc xã Địch Cát. Nh- vậy, đến đời Đồng Khánh xã Địch Càn đã đ- ọc đổi thành xã Địch Cát (xã Địch Cát thời kỳ này có 3 thôn là: Mỹ Điền, Mỹ Do và H-ong Trung). Năm 1954 đổi là Kiến Long thuộc xã H-ng Lộc. Hiện nay, Kiến Long đ- ọc chia làm 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà.

- *Xã Lộc Tiên* và *Y Bích*, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc [Theo các sắc phong ở Nghè Vích, xã Hải Lộc có niên đại Minh Mạng thứ 5 (1824), Thiệu Trị thứ 4 (1844), Tự Đức thứ 3 (1850) và 33 (1880), Duy Tân thứ 3 (1909), Khải Định thứ 9 (1924)]. Văn bia chùa Vích dựng năm 1689 ghi "Tam xã H-ng Công bi - Y Bích - Lộc Duyên - Tiên Xá". Nh- vậy, đơn vị hành chính lúc này gọi là xã. Đến đời Gia Long (1802-1820) xã Lộc Duyên sáp nhập với Tiên Xá

gọi là Lộc Tiên. Lúc này xã Y Bích và xã Lộc Tiên tồn tại d- ới đơn vị hành chính cơ sở là hai thôn thuộc tổng Đăng Tr- ờng⁽¹⁰⁾. Từ đời vua Minh Mạng cho đến hết triều Nguyễn năm 1945, hai thôn Y Bích và Lộc Tiên đ- ọc nâng thành đơn vị hành chính cấp xã (*nhất xã nhất thôn*). Hiện nay, Y Bích và Lộc Tiên là 2 làng trong tổng số 8 làng của xã Hải Lộc.

- *Xã Diêm Phố*, tổng Xuân Tr- ờng, huyện Hậu Lộc [Theo các sắc phong có niên đại Thiệu Trị thứ 6 (1846), Khải Định thứ 2 (1917) và thứ 9 (1924) ở nghè Diêm Phố phủ thờ các Ng- Ông, đền Nẹ Sơn thuộc xã Ng- Lộc]. Đời Gia Long (1802-1820) đến đời Đồng Khánh (1885-1888), đơn vị hành chính của Diêm Phố thời kỳ này vẫn là xã (*nhất xã nhất thôn*). Đơn vị hành chính này tồn tại cho đến năm 1945. Hiện nay Diêm Phố đ- ọc đổi thành xã Ng- Lộc.

- *Giáp Phú Thọ* xã Hanh Cù, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc [Theo sắc phong ở nghè Hanh Cù thuộc xã Đa Lộc có niên đại năm Khải Định thứ 9 (1924)]. Đơn vị hành chính cơ sở lúc này d- ới xã là *Giáp*. Điều này cũng cho thấy bộ máy chức dịch ở xã Hanh Cù đại diện bộ phận quản lý (sắc mục) d- ới thời vua Khải Định gồm có *xã tr- ởng* và *giáp tr- ởng*.

*

* *

Từ nguồn tài liệu sắc phong ở vùng biển huyện Hậu Lộc đ- ọc giới thiệu trên đây sẽ cung cấp thêm những dẫn chứng sinh động về việc thờ thần thành hoàng cũng nh- về quan niệm tín ng- ỡng của c- dân vùng biển này, về nguồn gốc một số dòng họ đến vùng biển Hậu Lộc sinh cơ lập nghiệp, về sự biến đổi địa danh của các đơn vị hành chính. □ một ph- ơng diện khác, những địa danh, những đơn vị hành chính thôn, trang, giáp, xã đ- ọc nhắc đến trong các sắc phong ở từng thời kỳ lịch sử khác nhau cũng cho biết quá trình và quy mô biến đổi của các làng xã đ- ơng đại.

Tóm lại, sắc phong là một loại hình t- liệu văn bản độc đáo, là một nguồn tài liệu gốc có giá trị quan trọng trong nghiên cứu làng Việt truyền thống. Với t- cách đó, nguồn tài liệu sắc phong ở các làng xã vùng ven biển Hậu Lộc nh- đã giới thiệu trên đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để nhận diện tiến trình biến đổi cũng nh- hiện trạng làng xã ng- ời Việt ở vùng này.

Chú thích

1. *Văn hoá Hoa Lộc*: là một nền văn hoá khảo cổ thuộc thời đại kim khí, lấy tên từ địa điểm phát hiện đầu tiên năm 1973 thuộc xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, vùng đồng bằng ven biển phía bắc tỉnh Thanh Hoá.

2. *Văn hoá Lạch Tr- ờng*: đã đ- ọc O. Janse, nhà khảo cổ học Thụy Điển khai quật tại các địa điểm Yên Hậu, Quý Giáp, Lục Trúc (xã Phú Lộc), Tr- ờng Trung, Nam Huân, Bái Trung (xã Hoà Lộc) thuộc khu vực Lạch Tr- ờng đã phát hiện rất nhiều mộ Hán. Khu vực này đ- ọc xem là một nơi chiếm đóng quan trọng của quan lại nhà Hán.

3. Viện Nghiên cứu Hán nôm. *Đồng Khánh Địa d- chí*, Nxb Thế Giới, năm 2002.

4. *Bát Hải Long V- ơng*: đ- ọc thờ ở đền Nẹ Sơn thuộc vùng biển huyện Hậu Lộc. Theo sách *Đại Nam Nhất thống chí*, Nẹ Sơn ở ngoài cửa biển Y Bích thuộc huyện Hậu Lộc, nổi lên hòn núi đá một ngọn cao vót, một mình giữa dòng biển, thuyền buôn qua lại, trông vào đấy mà biết đ- ọc cửa biển Y Bích để vào đổ lại.

Vị thần Bát Hải Long V- ơng, theo sắc phong còn có duệ hiệu là: "*Thủy Phủ Phù Tang Cam Lâm đại đến Thủy tú Chúa, Hà bá linh Quan, Đốc Sát Cửu Giang, Bát Hải Long V- ơng, tối linh Nẹ Sơn Tôn Thần*". Đây cũng là vị thần đ- ọc triều Nguyễn phong làm Th- ơng Đẳng Thần.

- *Nam Hải Đại V- ơng*: đ- ọc thờ ở phủ thờ cá Ng- Ồng (cá Voi) thuộc xã Diêm Phố (nay là xã Ng- Lộc). Thần có duệ hiệu là "*Trùng Kham Dực Bảo Trung H- ng, Nam Hải Cự Lộc, Ngọc Lâu Tôn Thần*". Cách đây đã rất lâu, có một con cá voi chết trôi dạt vào bờ đ- ọc ng- ời dân vùng này vớt lên. Thịt cá đ- ọc dân làng chôn cất theo một nghi lễ tôn kính, bộ x- ơng đ- a vào thờ ở phủ để làm Thần và gọi là đền Ông loại

phủ thờ cá Voi. Đây là vị thần biển đ- ọc ng- ời dân vùng biển tôn sùng n- ơng bóng để cầu mong biển che chở cho mình đ- ọc yên lành, no đủ.

- *Tứ Vị Thánh N- ơng*: đây là vị nữ Thần. Thần tích là bốn mẹ con Hoàng hậu n- ớc Nam Tống (Trung Quốc) vì nạn mất n- ớc, nên trôi dạt sang ph- ơng Nam bằng đ- ờng biển. Thoát nạn, bốn mẹ con n- ơng nhờ cửa chùa song bị s- ờng sầm sỡ c- ỡng bách, nên cả bốn mẹ con nhảy xuống biển tự tử, xác trôi vào cửa Cồn, duệ hiệu là Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ vị Thánh N- ơng Th- ơng Đẳng Thần. Theo sách *Thanh Hoá ch- thần lục* (triều Nguyễn) thì có 81 nơi thờ Tứ Vị Hồng N- ơng thuộc các xã vùng biển, các làng thủy cơ ven sông ở đồng bằng.

Nghè Diêm Phố là nơi thờ Chính Vị Thần Tứ Vị Thánh N- ơng của c- dân vùng ven biển huyện Hậu Lộc.

5. *Sắc Phong ở đền thờ Nẹ Sơn* xã Ng- Lộc. Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2 (1917)

6. *Các đạo sắc phong ở Nghè Vích*, xã Hải Lộc, từ thời Lê Trung H- ng đến triều Nguyễn.

7. *Các sắc phong cho các thần l- u giữ ở nhà thờ họ Nguyễn Đình*, thôn Minh Thịnh, xã Minh Lộc

- Sắc ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)

- Sắc ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)

- Sắc ngày 26 tháng 11 năm Thành Thái thứ 15 (1903)

- Sắc ngày 26 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)

8. Sách "*Thiên nam d- hạ tập*" thời Lê Hồng Đức (1470-1497) có ghi tên này. Dẫn theo sách *Địa chí Hậu Lộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1990, tr. 11

9. Vua Lê Chân Tông tên là Hữu (1643-1649), nếu vì kiêng tên vua mà đổi Thuận Hữu thành Thuận Lộc thì tên Thuận Lộc không thể có tr- ớc thời Lê Chân Tông. Do đó chữ Thuận Lộc đ- ọc ghi trong phần "*Cẩn án*" của sách "*D- địa chí*" do Nguyễn Trãi viết (năm 1435) là không hợp lý. Sự không hợp lý này có lẽ do nhầm lẫn của ng- ời đời sau khi sao chép lại sách "*D- địa chí*" của Nguyễn Trãi.

10. *Đồng Khánh Địa d- chí*, sdd.